TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2025/DS-ST
Ngày: 14/5/2025
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Bích

2. Bà Nguyễn Thi Hoàng Oanh

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Bà Phan Thị Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 162/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 về *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 299/2025/QĐXX-ST ngày 04 tháng 04 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 299 ngày 25/4/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ông Trần Văn Ú** sinh năm: 1961

Địa chỉ: Số A, Y, P. L, Q. C, TP ..

Đại diện theo ủy quyền: **Bà Dương Thị Thu H**, sinh năm: 1960 – *có mặt*

Địa chỉ: Số G, đường C, P. H, Q. N, TP ..

- *Bị đơn:* **Ông Đỗ Công T** sinh năm: 1982 - *vắng mặt*

Bà Phan Thị Kim X sinh năm: 1986 - *vắng mặt*

Cùng địa chỉ: Số A, khu V, Sông H, P. C, Q. N, TP ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn Ú – bà Dương Thị Thu H trình bày:

Khoảng năm 2019 thông qua bạn bè nên ông Ú có quen biết với vợ chồng ông Đỗ Công T và bà Phan Thị Kim X, ông T và bà X do thiếu vốn làm ăn nên có hỏi vay mượn tiền của ông Ú nhiều lần, theo thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, những lần vay theo các biên nhận tiền ngày 15/3/2019; ngày 22/6/2019 và ngày 06/7/2020. Thời gian đầu ông T và bà X có đóng lãi được một thời gian nhưng chưa đóng đủ. Tính từ ngày 15/3/2019 đến 10/3/2023 ông T, bà X đóng tổng số tiền lãi là 80.000.000 đồng thì ngưng không đóng lãi. Sau nhiều lần ông Ú yêu cầu ông T, bà X trả nợ và hứa hẹn nhưng ông T, bà X cho

rằng làm ăn khó khăn nên chưa trả tiền gốc và lãi như thoả thuận cho ông Ú. Sau nhiều lần đòi tiền gốc và lãi thì ông T và bà X làm Hợp đồng về việc mượn tiền thể hiện ông Ú đồng ý cho ông T, bà X mượn số tiền 1.100.000.000 đồng, hứa trả từ ngày 10/3/2023 đến ngày 10/3/2025 trả gốc, lãi suất 02 bên thỏa thuận 2%/tháng, trả lãi vào ngày 10 hàng tháng. Nhưng từ ngày 10/3/2023 đến ngày khởi kiện ông T, bà X chưa trả tiền gốc và lãi cho ông Ú, cố tình lánh mặt, nhiều lần ông Ú điện thoại cũng không nghe máy.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc ông Đỗ Công T và bà Phan Thị Kim X trả cho ông số tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng và lãi suất 2% từ tháng 3/2023 đến tháng 11/2024 là 462.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi số tiền là 1.562.000.000 đồng và cho đến khi thanh toán xong nợ.

+ Kê biên căn nhà và đất tại số A, khu vực 3, Sông H, P. C, Q. N, TP . để đảm bảo cho việc trả nợ của ông T và bà X theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đối với yêu cầu này nguyên đơn rút lại, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hợp lệ đối với bị đơn ông Đỗ Công T, bà Phan Thị Kim X để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/03/2025 và ngày 04/4/2025 nhưng ông T, bà X đều vắng mặt, không lý do.

Mặt khác, đại diện nguyên đơn có yêu cầu không tiến hành thủ tục hòa giải, đề nghị đưa vụ án ra xét xử nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn – bà Dương Thị Thu H trình bày: Vẫn giữ ý kiến và yêu cầu khởi kiện như nội dung đơn khởi kiện. Cụ thể: Nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết:

+ Buộc ông Đỗ Công T và bà Phan Thị Kim X trả cho ông số tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng.

+ Đối với số tiền lãi nguyên đơn thay đổi mức lãi suất: yêu cầu tính mức lãi suất 1.66%/tháng từ ngày 11/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (14/5/2025) tạm tính là: 476.586.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi: 1.576.586.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 15/5/2025 đến khi bị đơn trả xong nợ cho nguyên đơn, mức lãi suất 1.66%/tháng.

Nhưng ngày 12/5/2025 bị đơn có chuyển khoản trả lãi cho nguyên đơn số tiền 4.000.000 đồng nên nguyên đơn đồng ý trừ vào số tiền nợ lãi nêu trên cho bị đơn. Như vậy, tính đến ngày 14/5/2025 bị đơn còn nợ số tiền gốc là 1.100.000.000 đồng và nợ lãi là 472.586.000 đồng.

+ Đối với yêu cầu kê biên căn nhà và đất tại số A, khu vực 3, Sông H, P. C, Q. N,

TP . để đảm bảo cho việc trả nợ của ông T và bà X theo quy định của pháp luật, nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên toà đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu này.

- Bị đơn ông Đỗ Công T, bà Phan Thị Kim X vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Trần Văn Ú khởi kiện ông Đỗ Công T, bà Phan Thị Kim X về việc yêu cầu ông T, bà X trả tiền vay theo hợp đồng về việc mượn tiền nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Bị đơn cư trú tại quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2]Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Đỗ Công T, bà Phan Thị Kim X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên tòa vào ngày 25/4/2025 và ngày 14/5/2025 nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

3] Về nội dung:

3.1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu kê biên căn nhà và đất tại số A, khu vực 3, Sông H, P. C, Q. N, TP . để đảm bảo cho việc trả nợ của ông T và bà X theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên toà đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn.

3.2. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Đỗ Công T và bà Phan Thị Kim X trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc: 1.100.000.000 đồng và lãi suất mức lãi suất 1.66%/tháng từ tháng 11/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (14/5/2025) tạm tính là: 476.586.000 đồng. Tuy nhiên, theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 12/5/2025 bị đơn chuyển khoản số tiền lãi 4.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Nên trừ 4.000.000 đồng vào số tiền lãi 476.586.000 đồng nên tiền lãi tính đến ngày 14/5/2025 là 472.586.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi: 1.572.586.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 15/5/2025 đến khi bị đơn trả xong nợ cho nguyên đơn, mức lãi suất 1.66%/tháng.

Nhận thấy, theo hợp đồng về việc mượn tiền thể hiện nội dung *"Bên A (Bên cho mượn): ông Trần Văn Ú, bên B (bên mượn): ông Đỗ Công T, bà Phan Thị Kim X, theo đó bên A đồng ý cho bên B mượn số tiền là 1.100.000.000 đồng, từ ngày 10/03/2023 đến ngày 10/03/2025, lãi suất thoả thuận: 2%, bên B có trách nhiệm trả tiền lãi hàng*

tháng vào ngày 10 hàng tháng…". Bên dưới Hợp đồng có chữ ký và tên của các bên. Đồng thời, trước khi các bên làm hợp đồng mượn tiền nêu trên thì nguyên đơn đã cho bị đơn mượn nhiều lần theo các biên nhận nợ ngày 15/3/2019; ngày 22/6/2019; ngày 06/7/2020, bên dưới các biên nhận đều có chữ ký và tên của các bên. Từ đó, cho thấy bị đơn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 1.100.000.000 đồng.

Xét thấy, bị đơn cam kết từ ngày 10/3/2023 đến ngày 10/03/2025 trả cho nguyên đơn số tiền nợ nêu trên nhưng đến hạn bị đơn không trả cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận nên nguyên đơn khởi kiện.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho bị đơn tham gia hòa giải và tham gia các phiên tòa ngày 25/4/2025 và ngày 14/5/2025 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án không có ý kiến gì của bị đơn gửi cho Tòa án. Do đó, Tòa án căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết theo quy định.

Như vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

- *Về mức lãi suất và thời gian tính lãi:* nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất mức lãi suất 1.66%/tháng từ tháng 11/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (14/5/2025) tạm tính là: 476.586.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 15/5/2025 đến khi bị đơn trả xong nợ cho nguyên đơn, mức lãi suất 1.66%/tháng.

Nhận thấy, theo hợp đồng về việc mượn tiền cho thấy giữa các bên khi thực hiện giao dịch vay mượn tiền với nhau có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Từ ngày 15/3/2019 đến ngày 10/3/2023 bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi 80.000.000 đồng. Mặc dù, các bên thoả thuận lãi suất 2%/tháng nhưng từ khi bị đơn mượn tiền nguyên đơn đến ngày 10/3/2023 bị đơn trả cho nguyên đơn 80.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả đủ lãi cho nguyên đơn nên số tiền lãi nguyên đơn nhận của bị đơn chưa vượt mức lãi quy định.

Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 11/3/2023 (sau ngày nhận lãi cuối cùng là ngày 10/3/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (14/5/2025) và lãi phát sinh từ ngày 15/5/2025 đến khi bị đơn trả xong nợ cho nguyên đơn, mức lãi suất 1.66%/tháng trên số tiền nợ gốc là phù hợp và có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Cụ thể: 1.100.000.000 đồng x 1.66% x 02 năm 02 tháng 03 ngày = 476.586.000 đồng.

Tuy nhiên, ngày 12/5/2025 bị đơn có chuyển khoản trả lãi cho nguyên đơn số tiền 4.000.000 đồng theo sao kê chuyển khoản nguyên đơn cung cấp thể hiện ông T trả ông Ú số tiền 4.000.000 đồng lãi nên nguyên đơn đồng ý trừ vào số tiền nợ lãi nêu trên cho bị đơn nên có cơ sở chấp nhận. Như vậy, tính đến ngày 14/5/2025 bị đơn còn nợ số tiền nợ lãi là 472.586.000 đồng.

Từ những chứng cứ và phân tích trên cho thấy: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

là có căn cứ chấp nhận. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tạm tính đến ngày 14/5/2025, tổng số tiền: 1.572.586.000 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 1.100.000.000 đồng, nợ lãi: 472.586.000 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 15/5/2025 cho đến khi bị đơn trả xong nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất 1.66%/tháng trên số tiền nợ gốc.

* *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bị đơn phải chịu 59.177.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1] Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 97, Điều 147, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2]Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Ú.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc kê biên căn nhà và đất tại số A, khu vực 3, Sông H, P. C, Q. N, TP ..

- Buộc bị đơn ông Đỗ Công T, bà Phan Thị Kim X có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Trần Văn Ú tạm tính đến ngày 14/5/2025 tổng số tiền: 1.572.586.000 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 1.100.000.000 đồng, nợ lãi: 472. 586.000 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 15/5/2025 cho đến khi bị đơn trả xong nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất 1.66%/tháng trên số tiền nợ gốc.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm:*** Bị đơn ông Đỗ Công T, bà Phan Thị Kim X phải chịu 59.177.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- ***Về quyền kháng cáo:*** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án *(đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết)* để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***<u>Nơi nhận:</u>**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP . Cần Thơ;

- Viện kiểm sát nhân dân Q.Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q . Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án. **Phạm Thị Yến Nhi**